

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ TĨNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2026/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động
của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; số 73/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 649/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 758/HĐND-KTNS ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất việc xây dựng Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn; Báo cáo thẩm tra số 856/BC-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số nội dung, mức chi hoạt động của Tỉnh ủy, Thành ủy.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đảng ủy xã, phường; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thuộc dự toán ngân sách của cấp nào thì cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ và đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong sử dụng ngân sách.

2. Mức chi tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này là mức chi tối đa. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng, thẩm định văn bản; đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng quyết định mức chi cụ thể cho từng nội dung, nhiệm vụ; quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc văn bản quy định của cơ quan theo nguyên tắc không vượt mức chi quy định tại Nghị quyết này.

3. Nội dung chi tại Nghị quyết này thuộc nguồn kinh phí giao không thực hiện tự chủ. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Tỉnh ủy, Thành ủy và các quy định hiện hành khác.

4. Trường hợp trong cùng một thời gian, cùng một nội dung hỗ trợ, nếu đối tượng thụ hưởng đáp ứng điều kiện được hưởng nhiều chính sách khác nhau thì chỉ được áp dụng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình Đảng ủy xã, phường, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường ban hành

1. Chi xây dựng văn bản

Văn bản trình Đảng ủy xã, phường, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường là nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án hoặc không xây dựng đề án. Đối với văn bản trình qua nhiều cấp thì được áp dụng mức chi xây dựng văn bản trình cấp cao nhất.

a) Đối với văn bản mới (hoặc văn bản thay thế)

- Văn bản do Đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

Nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 25.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản.

- Văn bản do Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

Nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản.

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung

Tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, mức chi tối đa bằng 60% mức chi xây dựng văn bản mới tương ứng tại điểm a khoản này.

c) Mức chi quy định tại điểm a, điểm b khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm các nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

- Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

- Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

- Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại điểm a, điểm b khoản này: chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

d) Trường hợp văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Văn phòng Đảng ủy xã, phường phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường xem xét, đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức chi.

Mức chi quy định tại điểm d khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

- Chi xây dựng dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp, dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, đề án, báo cáo giải trình nếu có).

- Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản: chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

- Chi thuê chuyên gia (nếu có), sản phẩm là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp. Mức khoán chi chuyên gia tối đa không quá 10% tổng mức chi xây dựng văn bản.

- Đối với các văn bản có sử dụng tài liệu nước ngoài, phải điều tra xã hội học, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường quyết định về nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra. Chế độ chi cho dịch thuật và điều tra xã hội học thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

a) Mức chi

- Văn bản trình Đảng ủy xã, phường

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 7.500.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản.

- Văn bản trình Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

- Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi tối đa bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

b) Mức chi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

c) Trường hợp thẩm định văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực cần thuê chuyên gia, Văn phòng Đảng ủy xã, phường phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường xem xét, đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức chi.

Sản phẩm thuê chuyên gia là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp.

d) Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

3. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn công tác theo các chương trình, đề án được cơ quan chủ trì chương trình, đề án chịu trách nhiệm thanh toán chi

phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn công tác theo các chương trình, đề án thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chi xây dựng một số văn bản khác trình Đảng ủy xã, phường, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khóa, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Đảng ủy: mức chi tối đa 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của Đảng ủy; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương: mức chi tối đa 7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy; báo cáo tổng kết năm của Đảng ủy; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của Đảng ủy. Mức chi tối đa 4.500.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của Đảng ủy xã, phường: mức chi tối đa 3.500.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chỉ thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của Đảng ủy xã, phường, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường: mức chi tối đa 2.500.000 đồng/văn bản.

Điều 5. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của Đảng ủy xã, phường, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường

1. Mức chi:

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý, mức chi tối đa 15.000.000 đồng/đoàn (tổ).

b) Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi tối đa 10.000.000 đồng/đoàn (tổ).

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); Đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi tối đa 8.000.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Nội dung chi bao gồm:

a) Xây dựng chương trình gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

b) Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

c) Chi hợp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chi. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (đoàn công tác liên ngành, liên cơ quan) được cơ quan chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chi trang phục

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường; các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 500.000 đồng/người/năm. Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất).

Chế độ trang phục đối với người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định hiện hành; không áp dụng quy định tại Điều này.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ ngân sách xã, phường theo phân cấp ngân sách nhà nước.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 9 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XIX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4, TH3.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh